QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC: ĐIỂM QUA NHỮNG CON SỐ VÀ SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

NGÔ MINH THANH
Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã chính thức được bắt đầu vào ngày 22 tháng 12 năm 1992, mối quan hệ này đã phát triển nhanh chóng và ngày càng trở nên mật thiết. Sự hợp tác trong quan hệ này đã đem lại những kết quả khả quan cho cả hai quốc gia thể hiện ở những thống kê về trao đổi thương mại cũng như văn hoá. Có thể khẳng định rằng, từ khi hai nước bắt đầu thiết lập quan hệ ngoại giao, mối quan hệ giữa hai nước đã phát triển rất nhanh chóng. Hai quốc gia đã đồng ý tiến tới một sự hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21. Điều này được khẳng định trong cuộc viếng thăm của Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đức Lương tới Hàn Quốc vào tháng 8 năm 2001.

Nhân kỷ niệm 12 năm quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, bài viết này sẽ điểm qua một số sự kiện quan trọng mà không phân tích quá chi tiết bởi mỗi sự kiện, tự nó đã nói lên tất cả và đang chứng minh một nhận định rằng, quan hệ hợp tác giữa hai nước đang phát triển tích cực.

I. QUAN HỆ NGOẠI GIAO VÀ CHÍNH TRỊ

Ở phương diện ngoại giao và chính trị, có 5 sự kiện và 9 cuộc viếng thăm quan trọng.

Một là, trong dịp kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, đã có rất nhiều hoạt động văn hoá được tổ chức; bao gồm sự đồng phát hành loạt tem kỷ niệm, các hoạt động của Tuần lễ Hàn Quốc - Việt Nam ở cả hai quốc gia và các hoạt động trao đổi của các đoàn nghệ thuật truyền thống quốc gia.

Hai là, cả hai nước cùng chia sẻ quan điểm chung về một khu vực không vũ khí hạt nhân của Bán đảo Triều Tiên và giải quyết hoà bình về vấn đề hạt nhân của Cộng hoà dân chủ nhân dân (CHDCND) Triều Tiên.

Ba là, sự hợp tác song phương này đang ngày càng phát triển trong các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc (UN), Diễn đàn hợp tác kinh tế các nước Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị cấp cao Á - Âu (ASEM), ASEAN + 3 và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Ở các diễn đàn này, cả Việt Nam và Hàn Quốc đã chia sẻ cùng nhau các quan điểm chung.

Bốn là, các cuộc trao đổi ngày càng gia tăng, giữa các quan chức cấp cao cũng như các nhà lãnh đạo quốc gia. Các cuộc trao đổi này diễn ra hàng năm mà không theo một hiệp định nào.

Và năm là, nhóm nghị sỹ quốc hội Hàn Quốc - Việt Nam đã được hình thành bởi các nghị sỹ quốc hội của cả hai quốc gia và hai vị Chủ tịch Quốc hội hai nước cũng đã thực hiện những chuyến viếng thăm lẫn nhau. Ngài Kim Su-han, Chủ tịch Quốc hội Hàn Quốc, đã đến thăm Việt Nam vào tháng 8 năm 1996 và Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, ông Nông Đức Mạnh đã thăm thủ đô Seoul vào tháng 3 năm 1998. Tháng 9 năm 2003, Chủ tịch Quốc hội Hàn Quốc, Park Gwan-yong đã đến thăm Việt Nam, tiếp theo đó là chuyến viếng thăm của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An tới Hàn Quốc vào tháng 7 năm 2004.

Dưới đây là những cuộc viếng thăm quan trọng của các nhà lãnh đạo cấp cao của hai nước:

- 05/1993 Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt thăm Hàn Quốc
- 08/1994 Thủ tướng Hàn Quốc Lee Young-deok thăm Việt Nam
- 04/1995 Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười thăm Hàn Quốc.
- 11/1996 Tổng thống Hàn Quốc Kim Young-sam thăm Việt Nam
- 12/1998 Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae-jung thăm Việt Nam
- 08/2001 Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đức Lương thăm Hàn Quốc
- 04/2002 Thủ tướng Hàn Quốc Lee Han-dong thăm Việt Nam
- 09/2003 Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải thăm Hàn Quốc
- 09-12/10/2004 Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun thăm Việt Nam

Sau đây chúng tôi sẽ đề cập chi tiết hơn về cuộc thăm của Tổng thống Roh. Với chuyến viếng thăm chính thức này, lại một lần nữa mối quan hệ khăng khít giữa Việt Nam và Hàn Quốc được khẳng định. Có thể nói, thực hiện cuộc thăm này, Tổng thống Hàn Quốc hướng tới một số mục tiêu chủ yếu, đó là:

** Xây dựng lòng tin thông qua việc mở rộng các cuộc viếng thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao*

Cuộc thăm này nhằm khẳng định và tạo động lực cho mối quan hệ hợp tác ngày càng thân thiện và vững chắc giữa hai quốc gia kể từ hai cuộc viếng thăm cấp cao của hai phía diễn ra gần đây vào tháng 12 năm 1998 và tháng 8 năm 2001. Qua đó thúc đẩy hợp tác giữa hai quốc gia trên cơ sở tăng cường tình đoàn kết và lòng tin thông qua đối thoại giữa các nhà lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Hàn Quốc.

** Tạo động lực phát triển và khắc sâu sự hợp tác toàn diện giữa Hàn Quốc và Việt Nam trong thế kỷ 21*

Cuộc thăm này khẳng định sự tiến bộ của "Quan hệ hợp tác toàn diện Hàn Quốc - Việt Nam trong thế kỷ 21" đã được nhất trí trong chuyến viếng thăm của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tới Hàn Quốc vào tháng 8 năm 2001. Nhờ đó mở rộng các lĩnh vực hợp tác song phương từ kinh tế và thương mại tới chính trị, văn hoá và các lĩnh vực khác.

** Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác quan trọng trong kinh tế, thương mại và các lĩnh vực khác lên một tầm cao mới*

Hàn Quốc và Việt Nam có cấu trúc kinh tế tương hỗ nên cả hai nước có nhiều khả năng để đẩy mạnh sự hợp tác và từng bước nâng tầm quan hệ này thành quan hệ đối tác kinh tế quan trọng của nhau.

Điều lưu ý là Việt Nam có một thị trường lao động tiềm năng khổng lồ với tổng số dân 82 triệu người. Đây cũng là nơi cung cấp những nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có như dầu và khí đốt, cũng như nguồn lao động có chất lượng với chi phí tương đối thấp.

** Đảm bảo sự hợp tác của Việt Nam vì một Bán đảo Triều Tiên hoà bình*

Hàn Quốc hy vọng tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Việt Nam cho sự nghiệp hoà bình của Triều Tiên và mong muốn Việt Nam thực thi một chính sách tích cực trong việc ổn định mối quan hệ nội bộ Triều Tiên.

II. QUAN HỆ KINH TẾ

1. Thương mại

Với vị thế là một quốc gia có nền công nghiệp mạnh, Hàn Quốc dễ dàng trở thành đối tác thương mại lớn thứ 6 của Việt

Nam với mức trao đổi thương mại là 3,12 tỷ USD vào cuối năm 2003, sau Nhật Bản (5,9 tỷ USD), Hoa Kỳ (5,08 tỷ USD), Trung Quốc (4,87 tỷ USD), Singapore (3,9 tỷ USD) và Đài Loan (3,66 tỷ USD).

Bên cạnh đó, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 25 của Hàn Quốc. Việt Nam cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 15 và thị trường nhập khẩu lớn thứ 35 của Hàn Quốc. Xuất khẩu của Hàn Quốc sang Việt Nam tiếp tục tăng, đã làm cho thặng dư thương mại của Hàn Quốc với Việt Nam đã lên tới 2,05 tỷ USD vào năm 2003 so với 1,18 tỷ USD năm 1999.

Các mặt hàng xuất/nhập khẩu chính:

+ Các mặt hàng xuất khẩu chính của Hàn Quốc sang Việt Nam là : nguyên vật liệu thô cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam và vốn đầu tư sử dụng cho ngành công nghiệp, như bông (vải thường và các nguyên vật liệu thô/sơ chế), xe máy, các sản phẩm thép/kim loại, các sản phẩm dầu mỏ và điện/điện tử.

+ Các mặt hàng nhập khẩu chính của Hàn Quốc từ Việt Nam: các sản phẩm cơ bản như hàng thuỷ sản, bông và các sản phẩm nông nghiệp.

Bảng 1: Thương mại của Hàn Quốc với Việt Nam

Đơn vị: trăm triệu USD, %

Mục	1992	1993	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Tổng kim ngạch	5,0	8,2	18,4(0,6)	15,4(-16,1	17,0(10,6)	20,1(17,5)	21,2(5,4)	27,1(28,0)	30,7(13,4)
Xuất khẩu	4,4	7,3	16,0(0,3)	13,6(-15,1	14,4(6,2)	16,9(16,7)	173(2,7)	22,4(29,4)	25,6(14,3)
Nhập khẩu	0,6	0,9	2,4(2,8)	1,8(-22,9)	2,6(43,7)	3,2(22,0)	3,9(19,6)	4,7(21,9)	51(6,6)
Cán cân thương mại	3,8	6,4	13,6	11,8	11,8	13,7	13,4	17,7	20,5

***Nguồn**: Bản tin Đại sứ quán Hàn Quốc*

2. Đầu tư

Tính đến tháng 5 năm 2004, tổng vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam lên tới 4,37 tỷ USD với 729 dự án, khiến Hàn Quốc trở thành nhà đầu tư lớn thứ 4 của Việt Nam.

Về mặt vốn đầu tư tích luỹ, Việt Nam là nước nhận đầu tư lớn thứ 6 của Hàn Quốc. Năm 2002, Việt Nam là nước nhận đầu tư của Hàn Quốc lớn thứ 5 sau Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hồng Kông và Niudilân. Tuy nhiên Việt Nam đã bước lên vị trí thứ 2 sau Trung Quốc vào năm 2003. So với các thành viên ASEAN, Việt Nam là nước nhận đầu tư nhiều nhất của Hàn Quốc kể từ năm 2002.

Từ giữa thập kỷ 1990, các khoản đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam đã được đa dạng hóa ở nhiều lĩnh vực bao gồm việc phát triển các nguồn lực và cơ sở hạ tầng, và mức đầu tư cũng đã tăng lên. Đặc biệt, số công ty Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam đã tăng đột biến kể từ năm 1995. Gần đây, số công ty Hàn Quốc hoạt động ở Việt Nam là khoảng 760 công ty và những công ty này đang sử dụng khoảng 200.000 đến 300.000 lao động.

Trước cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, ngành công nghiệp nặng bao gồm ngành sản xuất thép, điện tử và xe hơi với sự có mặt của các tập đoàn kinh doanh lớn như Daewoo, LG và POSCO đã tạo lập một luồng đầu tư chính của Hàn Quốc tại Việt Nam. Tuy nhiên, gần đây đã gia tăng các khoản đầu tư nhỏ hơn do các công ty vừa và nhỏ thực hiện.

Các công ty này đang đầu tư vào các lĩnh vực cần nhiều lao động như ngành bông, may mặc, giầy dép, túi xách và mũ. Một số lượng ngày càng tăng các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng đang đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ CDMA (viễn thông).

3. Tài trợ ODA

Các dự án ODA của Hàn Quốc dành cho Việt Nam được bắt đầu từ khi mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia được thiết lập vào năm 1992.

Thực tế cho thấy, từ giữa thập kỷ 1990, Việt Nam đã trở thành nước nhận viện trợ chính của Chương trình viện trợ và hợp tác kỹ thuật của Hàn Quốc.

Hàn Quốc viện trợ trị giá 41 triệu USD cho Việt Nam trong giai đoạn 1991-2003 thông qua Quĩ Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA). Cụ thể là, Hàn Quốc đã cung cấp tài chính cho 25 dự án, bảo trợ 5 công trình nghiên cứu phát triển, mời 1.437 người đi đào tạo, gửi 33 chuyên gia và 102 tình nguyện viên từ Hàn Quốc, và cung cấp 42.000 USD cho quĩ cứu trợ khẩn cấp. Các dự án mà Hàn Quốc viện trợ bao gồm dự án xây dựng trường học, bệnh viện ở các khu vực trung tâm, trợ giúp cho hoạt động của trường kỹ thuật công nghiệp Hàn Quốc - Việt Nam, xây dựng thị trường chứng khoán Việt Nam và xây dựng một trung tâm đào tạo hướng nghiệp.

Mặc dù, tổng viện trợ (hoàn lại và không hoàn lại), của Hàn Quốc nhỏ hơn so với các nước khác, song các chương trình viện trợ của Hàn Quốc vẫn rất đáng quí bởi chúng được thực hiện rất nhanh chóng và tập trung vào các lĩnh vực chịu ảnh hưởng của sự nghèo đói. Đáng chú ý nhất là, Hàn Quốc đã cung cấp 2 triệu USD cho dự án xây 40 trường phổ thông cơ sở ở các thành phố trung tâm trong khoảng từ năm 2001 đến 2002 và 3 triệu USD cho dự án xây bệnh viện năm 2002-2004.

III. TRONG CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Điều lưu ý là, cùng với việc đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, cả hai Chính phủ Việt Nam, Hàn Quốc cũng quyết tâm thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác. Chẳng hạn, cho đến nay, Hàn Quốc đã thực hiện 5 dự án tổng trị giá 161 triệu USD vào Việt Nam từ Quĩ hợp tác và phát triển kinh tế (EDCF). Hoạt động của EDCF được Chính phủ Hàn Quốc cho phép bắt đầu vào năm 1987 và ảnh hưởng của EDCF đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam

1. Những hiệp định song phương chính giữa Hàn Quốc và Việt Nam

Dưới đây là những hiệp định song phương chủ yếu được ký kết giữa hai nước Hàn Quốc và Việt Nam với mục tiêu chung là tăng cường lợi ích kinh tế cũng như giao lưu văn hoá cho cả hai bên và tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác song phương

- Hiệp ước hợp tác kinh tế / kỹ thuật (02/1993)
- Hiệp định thương mại, Hiệp định hàng không
- Hiệp định bảo đảm đầu tư (05/1993)
- Hiệp ước chống đánh thuế trùng (05/1994)
- Hiệp ước về trao đổi văn hoá (08/1994)
- Hiệp ước và hợp tác về hợp tác hải quan (03/1995)
- Hiệp ước về khoa học và công nghệ và Hiệp ước hảng hải (04/1995)
- Bản ghi nhớ về thông tin và hợp tác (09/1995)
- Hiệp định về trao đổi thể dục thể thao (11/1996)

- Hiệp định về năng lượng hạt nhân (11/1996)
- Hiệp định về miễn visa cho các nhà ngoại giao và những người mang hộ chiếu công vụ (12/1998)
- Hiệp định về du lịch (08/2002)
- Hiệp định hợp tác kinh doanh giữa các cơ quan kiểm tra thuỷ sản (07/2000)
- Hiệp định hợp tác kinh doanh giữa các cơ quan kiểm dịch động vật (02/2002)
- Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực xây dựng (07/2002)

3. Trao đổi nguồn nhân lực (tính đến tháng 9 năm 2004)

Trong một vài năm gần đây, số người Hàn Quốc làm việc ở Việt Nam có tăng lên, tập trung nhiều ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh . Tuy nhiên thành phố Hồ Chí Minh là lựa chọn số một bởi ở đây tập trung số lượng lớn các công ty Hàn Quốc. Ví dụ: Hà Nội và các tỉnh lân cận: khoảng 1.200 người; Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận: khoảng 12.000 người.

Người dân Hàn Quốc cư trú tại Việt Nam đang gia tăng, bao gồm những người làm việc tại các công ty Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam, cùng với gia đình của họ và sinh viên.

Việt Nam cũng đã gửi một số lượng lớn tu nghiệp sinh sang học tập và làm việc tại Hàn Quốc. Đây là một nguồn lao động có kỹ năng bổ sung cho đội ngũ lao động ở nước ta khi họ trở lại Việt Nam. Cho dù có một số vấn đề nảy sinh, như lao động phá vỡ hợp đồng, bỏ trốn không chịu về nước... song việc gia tăng số tu nghiệp sinh từ nước ta sang Hàn Quốc trong những năm gần đây cho thấy cả hai nước rất quan tâm tới lĩnh vực hợp tác phát triển nguồn nhân lực. Sau đây là một vài số liệu về tu nghiệp sinh Việt Nam tại Hàn Quốc.

Bảng 2: Tình hình tu nghiệp sinh Việt Nam tại Hàn Quốc

STT	Công ty phái cử	Chỉ tiêu (người)	Tỷ lệ trong tổng chỉ tiêu (%)	Tổng số nhập cảnh vào Hàn Quốc (người)	Số TNS, lao động đang ở Hàn Quốc (người)
1	VINACONEX	3.230	17	5927	3077
2	SOVILACO	2890	15,4	5077	2706
3	LOD	3080	16,4	508	2973
4	SULECO	2550	13,6	4328	2279
5	TRACIMEXCO	1380	7,4	1642	1337
6	OLECO	2250	12	3314	2116
7	TRACODI	180	9,9	2810	1685
8	IMS	1540	8,2	1403	1230
	Tổng số	18770	100	30109	1757

4. Du lịch và hàng không (tính đến cuối năm 2003)

Đây là hai lĩnh vực mà cả hai nước có nhiều tiềm năng. Bởi vậy, các hoạt động du lịch và hàng không cũng được xúc tiến mạnh, nhất là trong những năm gần đây. Rõ ràng là sự khởi sắc trong hợp tác ngoại giao, chính trị và kinh tế đã tạo ra cơ hội vàng cho các hoạt động kinh doanh trong hai lĩnh vực quan trọng này. Sau đây là một vài số liệu minh họa:

Về du lịch: Trung bình số người dân Hàn Quốc hàng năm đến Việt Nam là khoảng 130.000 người. Trong suốt nửa năm đầu năm 2004, khoảng 95.000 người Hàn Quốc đã tới Việt Nam. Ngược lại, hàng năm số người dân Việt Nam tới thăm Hàn Quốc là khoảng 26.000 người.

Và về hàng không: Các chuyến bay suốt giữa Incheon và Hà Nội: 18 lần/1 tuần; Các chuyến bay suốt giữa Incheon và thành phố Hồ Chí Minh: 14 lần/1 tuần

*

* *

Từ việc điểm qua những con số và sự kiện chính trong quan hệ song phương Việt Nam - Hàn Quốc, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, quan hệ chính trị và ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã trở nên mật thiết hơn. Điều này được thể hiện trong việc liên tục có các cuộc thăm viếng lẫn nhau giữa các lãnh đạo cấp cao của hai nước. Hai nước cũng đã có sự nhất trí cao trong việc cùng nỗ lực phấn đấu vì một Bán đảo Triều Tiên phi hạt nhân, ổn định, hoà bình và phát triển. Trong tương lai, những cuộc viếng thăm và trao đổi ý kiến giữa các nhà lãnh đạo cấp cao của hai nước như thế này chắc chắn sẽ còn tiếp diễn và ngày càng thường xuyên hơn.

Thứ hai, đã có những bước phát triển vượt bậc trong thương mại và đầu tư ở cả hai nước. Việt Nam có cơ hội tranh thủ vốn, công nghệ, thiết bị tiên tiến và kỹ năng quản lý của Hàn Quốc; Hàn Quốc lại có thể nhập khẩu lương thực cơ bản, nông thổ sản với giá rẻ mà chất lượng lại cao, các sản phẩm truyền thống mang đậm đặc trưng quốc gia Việt Nam; hơn thế nữa Việt Nam có thể cung ứng một nguồn lao động dồi dào và với chi phí thấp. Bên cạnh đó, Việt Nam là một nước ổn định về chính trị và có nền an ninh tương đối tốt, có những chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư nước ngoài, hai ưu điểm này đảm bảo cho những nhà đầu tư Hàn Quốc yên tâm đem vốn vào đầu tư tại Việt Nam. Những dòng vốn đầu tư lớn từ Hàn Quốc đang ngày càng tăng lên.

Và thứ ba, có thể nói, sau 12 năm kể từ khi thiết lập mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước, sự hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc trên các tất cả lĩnh vực ngày càng phát triển. Mối quan hệ này đang được xúc tiến theo hướng "Hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21", như lãnh đạo cấp cao hai nước đã thoả thuận. Chúng ta đã thu được kết quả đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, thương mại, đầu tư và cả những lĩnh vực khác. Điều này được thể hiện qua sự hợp tác chặt chẽ giữa quốc hội hai nước và các cuộc viếng thăm của các quan chức cao cấp; mức trao đổi thương mại và dịch vụ giữa hai nước hàng năm cũng tỷ lệ vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng hàng năm. Tuy nhiên, quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước vẫn chưa tương xứng với tiềm lực của hai quốc gia, do đó hai nước cần có những chính sách hợp tác chặt chẽ hơn nữa để thúc đẩy mối quan hệ này phát triển hơn nữa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của mỗi quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ames Gross, *Human Resource Issues in South Korea (Presentation)*, Pacigic Bridge, Inc, Dec.11, 2003, from Internet: http://www.pacificbridge.com

2. *Country Commercial Guide: Korea*, Fiscal Year 2004, US Embassy in Seoul, Korea

3. *Human Resource Issues in Asia*, Pacific Bridge, Inc, Internal publication, Summer 1996, from Internet, http://www.pacificbridge.com

4. *Korea Trade and Investment*, các số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12, 2003

5. Và các tài liệu về quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc lưu tại thư viện Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á